

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 4 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 166/TTr-TNMT ngày 04/4/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Crystal Martin (Việt Nam), địa chỉ trụ sở chính tại Lô R(R1), khu công nghiệp Quang Châu, phường Quang Châu, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở đầu tư “Công ty TNHH Crystal Martin (Việt Nam)” tại Lô R(R1), Lô S, KCN Quang Châu, phường Quang Châu, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở đầu tư

1.1. Tên cơ sở: Công ty TNHH Crystal Martin (Việt Nam)

1.2. Chủ cơ sở: Công ty TNHH Crystal Martin (Việt Nam)

1.3. Địa điểm hoạt động: Lô R(R1), Lô S, KCN Quang Châu, phường Quang Châu, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên trở lên mã số doanh nghiệp: 2400515053 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 21/5/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 13/3/2024.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 2117345132, do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang cấp, chứng nhận đăng ký lần đầu ngày ngày 21/5/2010, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 20/6/2018.

1.5. Mã số thuế: 2400515053

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

- Sản xuất trang phục (trang phục từ da, lông thú), sản xuất trang phục dệt kim, đan móc; hoàn thiện sản phẩm dệt; in trực tiếp lên vải dệt;
- Cho thuê máy móc, thiết bị ngành may;
- Cho thuê nhà xưởng.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: Dự án thực hiện Lô R(R1), Lô S, KCN Quang Châu, phường Quang Châu, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang với tổng diện tích là 131.787m².
- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo quy định pháp luật về đầu tư công); không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

- Công suất sản xuất của dự án:

- + Sản xuất trang phục (trang phục từ da, lông thú), sản xuất trang phục dệt kim, đan móc; hoàn thiện sản phẩm dệt; in trực tiếp lên vải dệt: 119.000.000 sản phẩm/năm;
- + Cho thuê máy móc, thiết bị ngành may: 2.000 máy/năm;
- + Cho thuê nhà xưởng: Khoảng 40.320m²

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Crystal Martin (Việt Nam) được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty TNHH Crystal Martin (Việt Nam) có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH Crystal Martin (Việt Nam):

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các KCN tỉnh, UBND thị xã Việt Yên nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các KCN tỉnh, UBND thị xã Việt Yên.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 20/02/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang cấp giấy phép môi trường cho Công ty TNHH Crystal Martin (Việt Nam) được hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Công ty TNHH Crystal Martin (Việt Nam)” tại Lô R(R1), Lô S, KCN Quang Châu, phường Quang Châu, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang và các giấy phép môi trường thành phần (nếu có) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp Công ty cổ phần khu công nghiệp Sài Gòn - Bắc Giang, UBND thị xã Việt Yên, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư “Công ty TNHH Crystal Martin (Việt Nam)” tại tại Lô R(R1), Lô S, KCN Quang Châu, phường Quang Châu, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang của Công ty TNHH Crystal Martin (Việt Nam) được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định 206/QĐ-TNMT ngày 14/3/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho Công ty TNHH Crystal Martin (Việt Nam) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đối với các nội dung, yêu cầu tại khoản 2 Điều 1 Giấy phép này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Công ty cổ phần khu công nghiệp Sài Gòn - Bắc Giang; UBND thị xã Việt Yên, UBND phường Quang Châu; Công ty TNHH Crystal Martin (Việt Nam) và tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Chủ cơ sở (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
 - + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
 - + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
 - + Lưu: VT, KTN_{Việt Anh}

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

Dự án không thuộc trường hợp phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, do:

Toàn bộ nước thải của Công ty TNHH Crystal Martin (Việt Nam) sau khi xử lý tại 02 hệ thống xử lý nước thải của dự án (01 hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.280m³/ngày đêm, 01 hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 80m³/ngày đêm) đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) được đấu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Quang Châu (do Công ty cổ phần khu công nghiệp Sài Gòn - Bắc Giang quản lý và vận hành) để tiếp tục xử lý đảm bảo đạt Cột A của QCVN 40:2011/BTNMT trước khi thải ra nguồn tiếp nhận ((Theo biên bản thỏa thuận đấu nối ngày 27/11/2013 giữa Công ty TNHH Crystal Martin (Việt Nam) và Công ty Cổ phần cổ phần khu công nghiệp Sài Gòn - Bắc Giang)).

- Nước thải từ quá trình sản xuất: Nước thải từ quá trình rửa khay phòng in silicone được xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải công suất 80m³/ngày đêm, sau đó đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải công suất 1280m³/ngày đêm; nước thải từ quá trình sơn được thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý; nước thải từ hệ thống xử lý khí thải từ quá trình cắt gá mica bằng máy cắt laser; nước thải từ hệ thống làm mát Chiller được tuần hoàn sử dụng, không thải ra ngoài môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải nhà vệ sinh: Được thu gom bằng đường ống PVC D100 về xử lý sơ bộ tại 08 bể tự hoại 03 ngăn có thể tích mỗi bể là 80m³ (5,5 x 3,5 x 4,2m), cụ thể: Nước thải từ nhà vệ sinh của nhà xưởng R1A được xử lý sơ bộ bằng 02 bể tự hoại; nước thải từ nhà vệ sinh của xưởng R1B được xử lý sơ bộ bằng 03 bể tự hoại; nước thải từ nhà vệ sinh của xưởng R1C được xử lý sơ bộ bằng 03 bể tự hoại.

+ Nước thải nhà bếp: Được thu gom bằng các ống thoát nước PVC D110, dẫn xuống 02 bể tách dầu, thể tích mỗi bể 20m³ để xử lý sơ bộ.

Toàn bộ nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh và nhà bếp sau khi xử lý sơ bộ được chảy vào các đường ống PVC D110; PVC D200; PVC D300 và ống PIPE D150 với tổng chiều dài khoảng $L = 1.073\text{m}$ về hệ thống xử lý nước thải công suất $1.280\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm để xử lý. Nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải công suất $1.280\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm, một phần được đưa về bể chứa dung tích 15m^3 để tái sử dụng tưới cây và 35m^3 để tái sử dụng cho nhà vệ sinh và phần còn lại được dẫn về hồ ga nước thải của Công ty trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải khu công nghiệp Quang Châu, thị xã Việt Yên.

- Nước thải sản xuất:

+ Nước thải từ quá trình rửa khay phòng in silicone được đưa về hệ thống xử lý nước thải công suất $80\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm bằng đường ống HDPE 150, với tổng chiều dài khoảng $L = 400\text{m}$ để xử lý. Nước thải sau xử lý tại hệ thống sẽ tiếp tục được đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $1.280\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm bằng đường ống PVC D150, dài khoảng 30m tiếp tục xử lý.

+ Nước thải phát sinh từ quá trình sơn được thu gom vào các thùng chứa chuyên dụng có dung tích 80 lít và lưu trữ tại kho chứa chất thải nguy hại, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải từ quá trình cắt gá mica bằng máy cắt laser: Được tuần hoàn liên tục, bổ sung lượng nước hao hụt khoảng $1,7\text{m}^3/\text{tháng}$. Định kỳ 6 tháng/lần, thực hiện vệ sinh đường ống bằng Clo, nước thải được thu gom vào các thùng chứa chuyên dụng dung tích 80 lít và lưu trữ tại kho chứa chất thải nguy hại, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Nước thải từ hệ thống làm mát Chiller: Được tuần hoàn liên tục, bổ sung lượng nước hao hụt $173\text{m}^3/\text{ngày}$. Định kỳ 01 năm/lần sẽ được vệ sinh đường ống bằng Clo, nước thải sau khi vệ sinh được thu gom vào các thùng chứa chuyên dụng và lưu trữ tại kho chứa chất thải nguy hại, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất $80\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm: Nước thải rửa khay từ phòng in silicone => Bể điều hòa => Bể điều chỉnh PH => Bể keo tụ => Bể tạo bông => Bể lắng hóa lý => Bể chứa nước sau xử lý, sau đó đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $1.280\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm của dự án tiếp tục xử lý.

+ Công nghệ xử lý nước thải: Công nghệ hóa lý

+ Công suất thiết kế: $80\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm.

+ Hóa chất sử dụng: Hóa chất cân bằng pH NaOH: 7 kg/ngày; Hóa chất Polyme: 0,8 kg/ngày; Hóa chất PAC: 8 kg/ngày.

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $1.280\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm: Nước thải sinh hoạt, nhà bếp, nước thải sau xử lý tại hệ thống XLNT sản xuất công suất $80\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm => bể điều hòa => bể thiếu khí => bể

hiếu khí => bể lắng sinh học => bể khử trùng => bể xả (nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải và đưa về trạm xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Quang Châu, thị xã Việt Yên).

- Công nghệ xử lý nước thải: Công nghệ sinh học
- Công suất thiết kế: 1.280m³/ngày đêm.
- Hóa chất sử dụng:
 - + CaOCl₂: 7g/m³
 - + NaOH: 175g/m³,
 - + CH₃(OH) 25%: 350g/m³,
 - + Photpho Polytetsu: 138g/m³

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi xảy ra sự cố đối với hệ thống thu gom, thoát nước thải:

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố công trình xử lý nước thải

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật (có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành).

- Thường xuyên bảo dưỡng và duy tu, thay thế các thiết bị hỏng hóc, đảm bảo thay thế và bảo dưỡng các thiết bị vật liệu lọc, thiết bị xử lý để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.

- Đảm bảo quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải và cụm bể xử lý theo đúng kỹ thuật, tuân thủ định mức hóa chất.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng cao như: Máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác... để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố công trình xử lý nước thải

- Phải dừng hoạt động công trình xử lý để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục, đồng thời báo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị máy móc của công trình xử lý và phải dừng hoạt động để khắc phục sự cố trong vòng 1 ngày, thuê đơn vị chức năng đến hút nước thải đi xử lý.

- Nước thải qua công trình xử lý được đánh giá có thể gặp các sự cố một

hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh cụ thể:

+ Nếu pH quá thấp hoặc quá cao ngoài giới hạn QCCP thì tiến hành lấy mẫu tại bể chứa nước thải sau xử lý, kiểm tra lại, điều chỉnh định mức hóa chất sử dụng cho đến khi kiểm tra mẫu đạt.

+ Nếu thông số chất rắn lơ lửng vượt quy chuẩn cho phép, kiểm tra hiệu quả lắng của bể lắng. Tương tự đối với từng thông số sẽ đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý cần liên hệ với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống để xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ tháng 5/2024 - 8/2024

2.2. Công trình thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

+ Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 80 m³/ngày đêm

+ Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.280 m³/ngày đêm

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại vị trí đầu vào và đầu ra của 2 hệ thống: Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 80 m³/ngày đêm; Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.280 m³/ngày đêm.

2.2.2 Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

STT	Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép	Đơn vị	Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B)	Quan trắc định kỳ, tự động
1	pH	-	5,5-9	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ, tự động đối với nước thải theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ
2	Màu	Pt/Co	150	
3	BOD ₅	mg/l	50	
4	COD	mg/l	150	
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100	
6	Thủy ngân	mg/l	0,01	
7	Chì	mg/l	0,5	
8	Crom (VI)	mg/l	0,1	
9	Crom (III),	mg/l	1	
10	Mangan	mg/l	1	
11	Sắt	mg/l	5	
12	Tổng phenol	mg/l	0,5	
13	Tổng dầu mỡ	mg/l	10	

	khoáng		
14	Florua	mg/l	10
15	Sunfua	mg/l	0,5
16	Amoni (Tính theo N)	mg/l	10
17	Tổng Nito	mg/l	40
18	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	6
19	Clo dư,	mg/l	2
20	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	5000

2.2.3. Tần suất lấy mẫu

* Kế hoạch vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.280m³/ngày đêm.

STT	Vị trí giám sát	Tần suất lấy mẫu	Thông số giám sát	Quy chuẩn so sánh
I	Giai đoạn vận hành ổn định			
1	01 vị trí nước thải đầu vào (tại bể điều hòa)	Tần suất lấy mẫu nước thải là lấy mẫu đơn 01 ngày/lần, lấy 01 lần. Dự kiến ngày 15/6/2024	Lưu lượng, Màu, pH, BOD ₅ , COD, Chất rắn lơ lửng, Thủy ngân, Chì Crom (VI), Crom (III), Mangan, Sắt, Tổng phenol, Tổng dầu mỡ khoáng, Sunfua, Florua, Amoni (Tính theo N), Tổng Nito, Tổng phốt pho (tính theo P), Clo dư, Coliform	QCVN 40:2011/B TNMT (Cột B)
2	01 vị trí nước thải đầu ra sau xử lý qua hệ thống xử lý nước thải (tại bể xả)	- Tần suất lấy mẫu nước thải là lấy mẫu đơn 01 ngày/lần trong 03 ngày liên tiếp, cụ thể: - Lần 1: Ngày 15/6/2024 - Lần 2: Ngày 16/6/2024 - Lần 3: Ngày 17/6/2024		

* Kế hoạch vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 80m³/ngày đêm.

STT	Vị trí giám sát	Tần suất lấy mẫu	Thông số giám sát	Quy chuẩn so sánh
I	Giai đoạn vận hành ổn định			

STT	Vị trí giám sát	Tần suất lấy mẫu	Thông số giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	01 vị trí nước thải đầu vào (tại bể điều hòa)	Tần suất lấy mẫu nước thải lấy mẫu đơn là 01 ngày/lần, lấy 01 lần. Dự kiến ngày 15/06/2024	Lưu lượng, Màu, BOD ₅ , Thủy ngân, Chì, Crom (VI), Crom (III), Mangan, Sắt, Tổng phenol, Tổng dầu mỡ khoáng, Sunfua, Florua, Amoni (Tính theo N), Tổng phốt pho (tính theo P), Clo dư, Coliform.	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B)
2	01 vị trí nước thải đầu ra sau xử lý qua hệ thống xử lý nước thải trước khi chảy vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.280m ³ /ngày.đêm (tại bể chứa nước sau xử lý)	- Tần suất lấy mẫu nước thải là lấy mẫu đơn 01 ngày/lần trong 03 ngày liên tiếp, cụ thể: - Lần 1: Ngày 15/6/2024 - Lần 2: Ngày 16/6/2024 - Lần 3: Ngày 17/6/2024		

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải và đưa về trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Quang Châu, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

- Việc vận hành trạm xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với trạm xử lý nước thải, Chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Việt Yên để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /4/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải: Gồm 02 nguồn:

- Nguồn số 1: Khí thải từ phòng in màng
- Nguồn số 2: Khí thải từ quá trình cắt gá mica bằng máy cắt laser

2. Dòng khí thải, vị trí xả thải:

- Dòng khí thải số 1: Dòng khí thải phát sinh tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải từ phòng in màng
- Dòng khí thải số 2: Dòng khí thải phát sinh tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải từ quá trình cắt gá mica bằng máy cắt laser.

2.1. Vị trí xả khí thải: 02 vị trí (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107^0 , múi chiếu 3^0).

- Vị trí số 01: Tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải từ phòng in màng. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2346850,1; Y=407659,5;

- Vị trí số 02: Tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải từ quá trình cắt gá mica bằng máy cắt laser. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2347011,3; Y= 407615,3.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Vị trí số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 5.000 m³/giờ tương đương 120.000 m³/ngày.đêm.

- Vị trí số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 6.500 m³/giờ tương đương 156.000 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả khí thải liên tục trong thời gian làm việc của công ty (thời gian làm việc: 24giờ/ngày).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí của cả 2 dòng thải phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT và QCVN 20:2009/BTNMT đối với bụi, khí thải cụ thể như sau:

STT	Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép	Đơn vị	Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm		Quang trắc định kỳ, quan trắc tự động
			QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B	QCVN 20:2009/ BTNMT	
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	-	Dự án không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ và quan trắc tự động theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Phụ lục XXIX
2	CO	mg/Nm ³	1000	-	
3	NO _x	mg/Nm ³	850	-	
4	SO ₂	mg/Nm ³	500	-	
5	Toluen	mg/Nm ³	-	750	
6	Benzen	mg/Nm ³		5	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Khí thải phát sinh từ phòng in màng: Khí thải tại khu vực pha mực in được hút qua 01 chụp hút kích thước 3mx2m, dưới tác dụng của quạt hút công suất 5.000m³ /giờ, khí thải theo ống dẫn tôn tráng kẽm D400 chiều dài khoảng 3m về hệ thống xử lý khí thải.

- Khí thải phát sinh từ quá trình cắt gá mica bằng máy cắt laser: Khí thải từ 02 máy cắt được dẫn theo 02 hòng hút tôn tráng kẽm D350 có chiều dài khoảng 2,5m/hòng dưới tác dụng của quạt hút công suất 6.500m³/giờ, khí thải đi theo đường ống tôn tráng kẽm D350 dài khoảng 10,5m về hệ thống xử lý khí thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

*. Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ phòng in màng

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải: Khí thải → chụp hút → quạt hút → màng lọc than hoạt tính → ống thoát khí (Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT và QCVN 20:2009/BTNMT).

- Công suất thiết kế của mỗi hệ thống xử lý: 5.000 m³/giờ

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: than hoạt tính: 30kg/năm.

* Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ quá cắt gá mica bằng máy cắt laser:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải: Khí thải → Quạt hút → ống dẫn → Tầng hấp thụ 1 (sử dụng nước) → Tầng hấp thụ 2 (sử dụng than hoạt tính) → ống thoát khí thải (Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT và QCVN 20:2009/BTNMT).

- Hóa chất: than hoạt tính 100kg/năm.
- Nước: 1,7m³/tháng
- Công suất thiết kế của mỗi hệ thống xử lý: 5.000 m³/giờ.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt

1.4. Biện pháp, công trình thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố.

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố công trình xử lý khí thải

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống đường ống dẫn nước, các van, đường ống dẫn khí, quạt hút,... trong hệ thống xử lý khí thải, phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời.

- Tiến hành các biện pháp làm thông thoáng nhà xưởng để tránh gây ảnh hưởng đến công nhân khi sự cố xảy ra.

- Có nhật ký ghi chép lại các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

- Đào tạo, nâng cao chuyên môn của công nhân vận hành hệ thống các bể mạ cũng như hệ thống xử lý khí thải tại nhà máy, hạn chế những sai sót xảy ra có thể gây ra sự cố

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố công trình xử lý khí thải

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn tại nhà máy.
- Dừng mọi hoạt động sản xuất cho đến khi sự cố được khắc phục
- Sơ tán công nhân ra khỏi khu vực sản xuất
- Nhân viên kỹ thuật mặc đồ bảo hộ lao động tiến hành kiểm tra, phát hiện ra nguyên nhân dẫn đến sự cố để khắc phục. Nếu sự cố mang tính phức tạp cần liên hệ với bên lắp đặt chịu trách nhiệm về hệ thống để tìm ra biện pháp khắc phục nhanh chóng.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải

Hệ thống xử lý khí thải số 2 (xử lý khí thải từ công đoạn cắt gá mica) đã hoàn thiện việc vận hành thử nghiệm và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang ra văn bản số 5158/ TNMT-BVMT ngày 25/09/2023 về việc thông báo kết quả kiểm tra, giám sát vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của Công ty TNHH Crystal Martin (Việt Nam). Do đó, Chủ dự án sẽ tiến hành vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải số 1 xử lý khí thải phát sinh từ phòng in màng.

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ ngày 05/2024 đến 08/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý khí thải số 1 xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn in màng.

2.3. Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí tại 01 ống thoát khí thải sau 01 hệ thống xử lý khí thải từ phòng in màng.

2.4. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (*theo nội dung được cấp phép tại Phần A phục lục này*).

2.5. Tần suất lấy mẫu:

STT	Vị trí giám sát	Tần suất lấy mẫu	Thông số giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	Hệ thống xử lý khí thải phòng in màng	Tần suất lấy mẫu khí thải là lấy mẫu đơn 01 lần/ngày trong 03 ngày liên tiếp: - Lần 1: Ngày 15/6/2024 - Lần 2: Ngày 16/6/2024 - Lần 3: Ngày 17/6/2024	Bụi tổng, CO, NO _x (tính theo NO ₂), SO ₂ , benzen, toluen	QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B QCVN 20:2009/ BTNMT

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép môi trường đã được cấp, phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành các hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang, UBND thị xã Việt Yên để kịp thời xử lý.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /4/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh: 03 nguồn phát sinh

- Nguồn số 01: Phát sinh từ máy móc, thiết bị tại xưởng R1A;
- Nguồn số 02: Phát sinh từ máy móc, thiết bị tại xưởng R1B;
- Nguồn số 03: Phát sinh từ máy móc, thiết bị tại xưởng R1C;
- Nguồn số 04: Phát sinh từ máy móc, thiết bị tại khu phụ trợ.

2. Vị trí phát sinh: 04 vị trí (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107⁰, múi chiều 3⁰)

- Vị trí số 01: Từ máy móc, thiết bị tại xưởng R1A. Tọa độ vị trí phát sinh X = 2346934; Y=407629;

- Vị trí số 02: từ máy móc, thiết bị tại xưởng R1B. Tọa độ vị trí phát : X = 2346902; Y=407712;

- Vị trí số 03: Từ máy móc, thiết bị tại xưởng R1C. Tọa độ vị trí phát X = 2346842; Y=407818;

- Vị trí số 04: Phát sinh từ khu phụ trợ. Tọa độ vị trí phát sinh X = 2346448; Y=407706.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Giảm thiểu tiếng ồn, độ rung tại nguồn:

+ Sử dụng đệm chống ồn được lắp đặt tại chân tiết bị gây ồn;

+ Nơi điều hành sản xuất được bố trí cách ly riêng;

+ Kiểm tra độ mòn chi tiết máy móc, thiết bị và tra dầu bôi trơn thường kỳ;

+ Lắp đặt đệm cao su và lò xo chống rung đối với các thiết bị có công suất lớn;

+ Kiểm tra bảo dưỡng định kỳ các thiết bị gây ồn, bôi trơn các bộ phận chuyển động để giảm bớt tiếng ồn.

- Giảm thiểu tiếng ồn, độ rung cho công nhân:

+ Công nhân được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động như: nút bịt tai, mũ, quần áo bảo hộ, đặc biệt tại các vị trí làm việc có mức ồn cao. Chủ dự án sẽ nhắc nhở công nhân làm việc tại các khu vực phát sinh tiếng ồn phải sử dụng bảo hộ lao động đầy đủ trong quá trình làm việc.

+ Bố trí hợp lý nhân lực làm việc trong khu vực ô nhiễm ồn, rung nhằm đảm bảo sức khỏe lâu dài cho công nhân.

+ Có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương pháp bảo hộ lao động thường xuyên của công nhân, tránh hiện tượng có phương tiện bảo hộ mà không sử dụng.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này và các quy chuẩn Việt Nam hiện hành.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /4/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:
Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên.

TT	Tên Chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (Kg/năm)
1	Giẻ lau, găng tay nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18.870
2	Bao bì mềm thải có thành phần nguy hại	Rắn	653
3	Bao bì cứng bằng kim loại, (vỏ thùng phuy đựng dầu, vỏ hộp sơn)	Rắn	755
4	Bao bì cứng thải bằng nhựa có thành phần nguy hại	Rắn	1.326
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	3.427
6	Dầu thải	Lỏng	1.729
7	Hộp mực in thải có thành phần nguy hại	Rắn	347
8	Pin, ắc quy thải	Rắn	3.305
9	Chất thải y tế	Rắn	804
10	Phoi nhôm dính đầu	Rắn	15.463
11	Than hoạt tính từ hệ thống xử lý khí thải	Rắn	221
12	Nước lã sơn thải	Lỏng	380
13	Các loại chất thải lỏng khác (nước thải từ chiller, nước thải từ vệ sinh hệ thống xử lý khí thải)	Lỏng	16.689
14	Thiết bị thải có chứa các bộ phận, linh kiện điện tử	Rắn	673

15	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	Rắn	54.720
Tổng			119.362

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải rắn	Đơn vị	Khối lượng chất thải
1	Vải vụn	kg/tháng	134.929
2	Bìa Carton	kg/tháng	51.312
3	Bao dứa	kg/tháng	653
4	Sắt	kg/tháng	2.475
5	Gỗ	kg/tháng	1.422
6	Nhựa	kg/tháng	3.408
7	Nhôm	kg/tháng	136
8	Chất thải công nghiệp thông thường (chỉ vụn, chun vụn, giấy tái sinh, ni nông...)	kg/tháng	129.361
Tổng			323.696

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Chất thải sinh hoạt phát sinh khoảng 901kg/ngày, tương đương với 23.426 kg/tháng. Thành phần chủ yếu bao gồm túi nilong, vỏ chai lọ, vỏ hoa quả bánh kẹo, giấy,... phát sinh từ nhà vệ sinh, văn phòng và nhà ăn.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH)

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Công ty bố trí 32 thùng chứa chuyên dụng bằng nhựa có nắp đậy, có dung tích khoảng 660l/thùng, 220l/thùng, 80l/thùng bên ngoài dán mã chất thải nguy hại để lưu chứa riêng biệt từng loại chất thải nguy hại, đối với chất thải nguy hại ở dạng lỏng được bố trí khay chống rò rỉ đặt dưới thùng chứa. Sau đó thu gom vào kho chứa chất thải nguy hại của Công ty.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa

- Tổng diện tích kho chất thải nguy hại: 75m² trong đó kho chứa chất thải của Công ty TNHH Crystal Martin (Việt Nam): 50m²; Công ty TNHH Crystal Intimate (đơn vị thuê nhà xưởng): 25m².

- Chủ dự án đã bố trí hàng rào sắt cố định, có chiều cao khoảng 2m để ngăn cách, tách bạch kho chứa của Công ty TNHH Crystal Martin (Việt Nam) và đơn vị thuê xưởng. Đơn vị thuê xưởng tự chịu trách nhiệm với phần chất thải phát sinh từ hoạt động của đơn vị mình.

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Kho chứa có mái che, xây tường bao quanh, nền bê tông, có lắp đặt cửa ra vào, có khóa, dán biển cảnh báo theo quy định; bên trong kho chứa có thiết kế các rãnh thu và hố thu. Tôn cao nền nhà khu lưu giữ lên 20cm, đảm bảo mặt sàn trong khu lưu giữ kín khít, không rạn nứt, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn vào từ bên ngoài. Kho được bố trí bên ngoài nhà xưởng.

Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý với tần suất 01 tuần/lần hoặc căn cứ vào tình hình thực tế phát sinh.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Chất thải được chứa trong các bao bì chuyên dụng kích thước khoảng 70x110cm và thùng carton đặt trong kho chứa.

2.2.2. Kho /khu vực lưu chứa

- Tổng diện tích là 337m² trong đó 2 kho chứa của Công ty TNHH Crystal Martin (Việt Nam): 260m² (gồm kho chứa 1 là 80m², kho chứa 2 là 180m²); Công ty TNHH Crystal Intimate (đơn vị thuê xưởng): 77m² gồm kho chứa 1 là 25m², kho chứa 2 là 52m².

- Chủ dự án đã bố trí hàng rào sắt cố định, có chiều cao khoảng 2m để ngăn cách, tách bạch kho chứa của Công ty TNHH Crystal Martin (Việt Nam) và đơn vị thuê xưởng. Đơn vị thuê xưởng tự chịu trách nhiệm với phần chất thải phát sinh từ hoạt động của đơn vị mình.

- Thiết kế, cấu tạo: Kho có mái che bằng tôn, cốt nền cao hơn cốt chung, bên ngoài có biển cảnh báo theo quy định. Kho được bố trí bên ngoài nhà xưởng.

Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý với tần suất vận chuyển xử lý với tần suất 03 ngày/lần hoặc căn cứ vào tình hình thực tế phát sinh.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Chủ dự án bố trí các thùng chứa chuyên dụng bằng nhựa có nắp đậy: 20 thùng chứa dung tích 20 lít/thùng; 10 thùng chứa dung tích 60 lít/thùng; 15 thùng chứa dung tích 120 lít/thùng đặt tại nhà văn phòng, khu vệ sinh, nhà xưởng, nhà ăn... để thu gom, phân loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động sau đó cuối ngày làm việc tập kết chất thải chứa trong các túi nilon tự hủy chuyên dụng có kích thước khoảng 90cmx120cm và được đặt trong kho chứa chất thải rắn sinh hoạt của Công ty.

- Đối với bồn từ các bể tự hoại được định kỳ 6 tháng/lần thuê đơn vị có

chức năng đến hút đem đi xử lý theo quy định.

2.3.2. Kho /khu vực lưu chứa:

- Tổng diện tích là 116m² trong đó kho chứa của Công ty TNHH Crystal Martin (Việt Nam) là 80m², của Công ty TNHH Crystal Intimate (đơn vị thuê nhà xưởng) là 36m².

- Chủ dự án đã bố trí hàng rào sắt cố định, có chiều cao khoảng 2m để ngăn cách, tách bạch kho chứa của Công ty TNHH Crystal Martin (Việt Nam) và đơn vị thuê xưởng. Đơn vị thuê xưởng tự chịu trách nhiệm với phần chất thải phát sinh từ hoạt động của đơn vị mình.

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Kho được xây tường bao quanh, nền bê tông, mái lợp tôn, trên cửa có dán biển báo theo quy định.

Chủ dự án hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định, tần suất thu gom khoảng 02 ngày/lần hoặc căn cứ vào tình hình thực tế phát sinh.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống xử lý khí thải. Chỉ tiếp tục hoạt động sản xuất sau khi đã xử lý, khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /4/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Công ty TNHH Crystal Martin (Việt Nam) có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải sản xuất 80m³/ngày đêm và hệ thống xử lý nước thải tập trung 1280m³/ngày đêm để thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Quang Châu, đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Vận hành các hệ thống xử lý khí thải để thu gom, xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án với UBND tỉnh Bắc Giang, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Việt Yên trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 166/TTr-TNMT ngày 04/4/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án.